

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Hoàng Nam
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Hoàng Nam
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Hoàng Nam

Mã SV: 1412401124

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí
Tuấn Hoàng Anh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2017

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Hoàng Nam

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: Trần Hoàng Nam Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh
Nội dung hướng dẫn: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ; Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh; Đánh giá những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DN, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giảng viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2017). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DN. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại DN.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 03 tháng 11 năm 2018

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Nhưng vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2.1. Doanh thu	2
1.1.2.2 Chi phí.....	5
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	6
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	7
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	10
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	10
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	12
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	15
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	22
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	24
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	24
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	24
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	26
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH	30
2.1 Khái quát chung về doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	30
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh	31
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán	31
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh	32
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán:	32
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	32
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	34
2.2.1.1. Nội dung doanh thu tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.	34
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng	34
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	34
2.2.1.4. Quy trình hạch toán	34
2.2.1.5. Ví dụ minh họa	36
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh	44
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	50
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng	50
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng	50
2.2.3.3. Quy trình hạch toán	50
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	56
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng	56

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng	56
2.2.4.3 Quy trình hạch toán	56
2.2.4.5 Ví dụ minh họa	56
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	60
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	60
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng	60
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng	60
2.2.6.4 Ví dụ minh họa	62
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH	71
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh	71
3.1.1 Ưu điểm	71
3.1.2. Hạn chế	74
3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.	74
3.2.1.Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	74
3.2.2.Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	75
3.2.3.Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.	75
3.2.4 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	76
3.2.4.1 Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán	76
3.2.4.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết	80
3.2.4.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:	83
3.2.4.4 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	83
3.2.4.5. Một số giải pháp khác	86
KẾT LUẬN	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9
Sơ đồ 1.2 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	14
Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .	17
Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	20
Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	23
Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	25
Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	27
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	28
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	29
Sơ đồ 2.1. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	33
Sơ đồ 2.2 Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000272	37
Biểu số 2.2: Bảng kê chi tiết gia công	38
Biểu số 2.3: Phiếu thu số 150	39
Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000273	40
Biểu số 2.5: Giấy báo có.....	41
Biểu số 2.6: Nhật ký chung	42
Biểu số 2.7: Trích sổ cái TK 511	43
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 154.....	46
Biểu số 2.9: Phiếu kế toán	47
Biểu số 2.10: Trích nhật ký chung năm 2017	48
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632.....	49
Biểu 2.12 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông ngày 12/11/2017.....	52
Biểu số 2.13: Phiếu chi.....	53
Biểu số 2.14: Nhật kí chung	54
Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK 642	55
Biểu số 2.16: Giấy báo có của Ngân Hàng	57
Biểu số 2.17: Nhật ký chung	58
Biểu số 2.18: Sổ cái TK 515.....	59
Biểu số 2.19: Phiếu kế toán 06	63
Biểu số 2.20: Phiếu kế toán 07	63
Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 08	64
Biểu số 2.22: Phiếu kế toán 09	64
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán 10	65
Biểu số 2.24: Nhật kí chung	66
Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 911	67
Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 821	68
Biểu số 2.27: Trích sổ cái TK 421	69
Biểu số 2.28: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	70
Biểu số 3.1 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	81
Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 6422.....	82
Biểu 3.3 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017	85
Biểu 3.4 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi	86

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của công tác kế toán. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh* ” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế chắc chắn bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của công ty nhằm giúp khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Nhưng vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình luôn phải tạo được doanh thu và đảm bảo tạo được lợi nhuận từ khoản doanh thu đó. Vì vậy, từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán, đặc biệt là công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh mang ý nghĩa sống còn, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu là một những điều kiện để đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và giải quyết các mối quan hệ kinh tế, tài chính, xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện kết quả của quá trình nghiên cứu giúp doanh nghiệp tìm chỗ đứng và thị trường. Với toàn bộ nền kinh tế quốc dân nó khuyến khích tiêu dùng, đạt sự thích ứng tối ưu giữa cung và cầu trên thị trường và thông qua đó các hoạt động được điều hòa; đồng thời giúp phát triển cân đối giữa các ngành nghề, khu vực trong toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “*Doanh thu và thu nhập khác*” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: “*Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu*”.

Nội dung doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như sở hữu người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ *Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng*

Khi hàng được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- ✓ Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.
- ✓ Với hình thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán hàng đã chuyển hàng tới địa điểm mua; bên bán đã thu tiền hàng hoặc bên mua đã nhận nợ.
- ✓ Với phương thức bán hàng đại lý ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

❖ **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- ✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
- ✓ Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau: đều là giảm giá cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn.
- ✓ Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại

dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cô tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ *Thu nhập khác*

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ...

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm:

❖ *Giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả cho phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

❖ Chi phí khác

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

• Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có bốn tài khoản cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- 5112 : Doanh thu bán thành phẩm
- 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5118 : Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

➤ Bên Nợ

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Các khoản giảm trừ doanh thu;

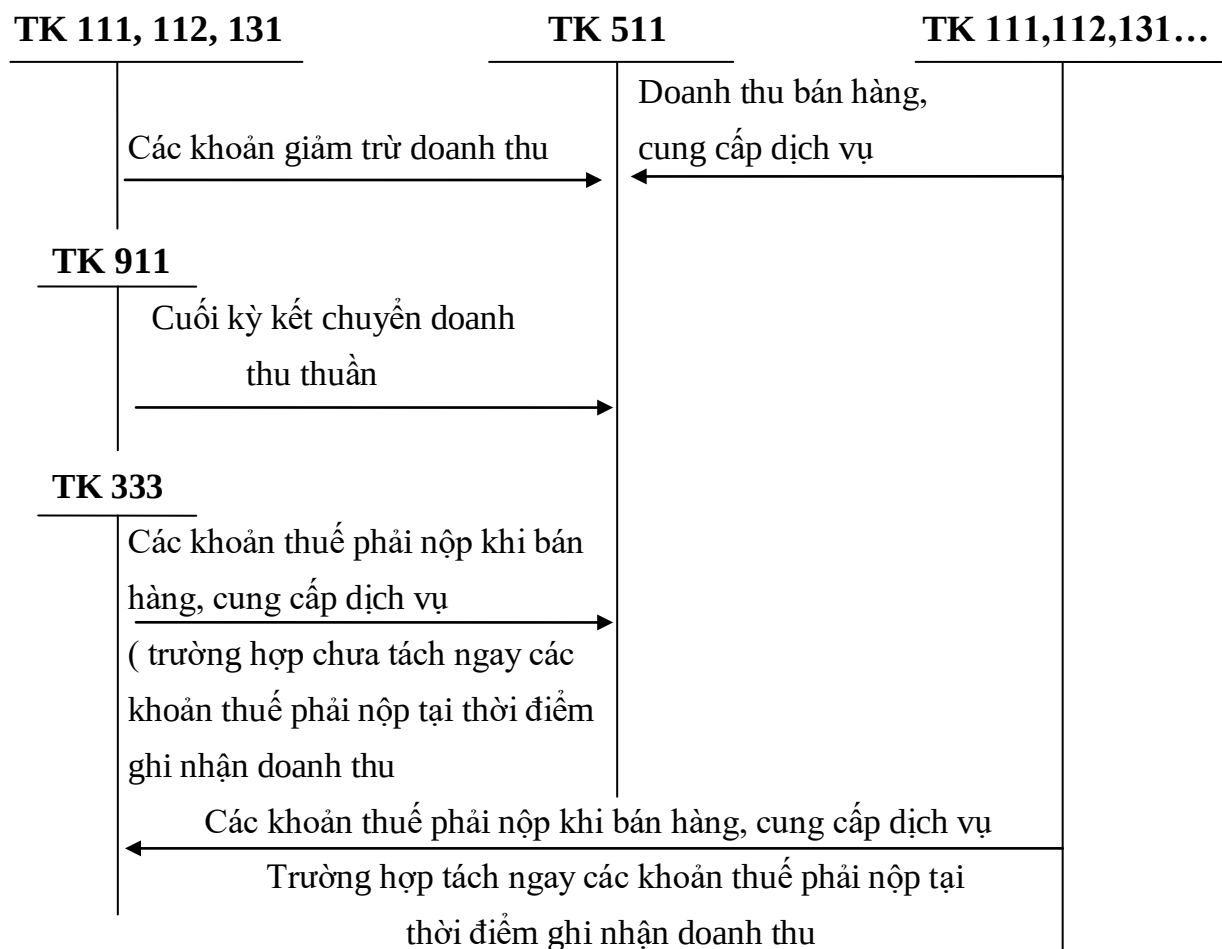
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

➤ **Bên Có**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát qua **sơ đồ 1.1** như sau:



Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

➤ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

➤ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

➤ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

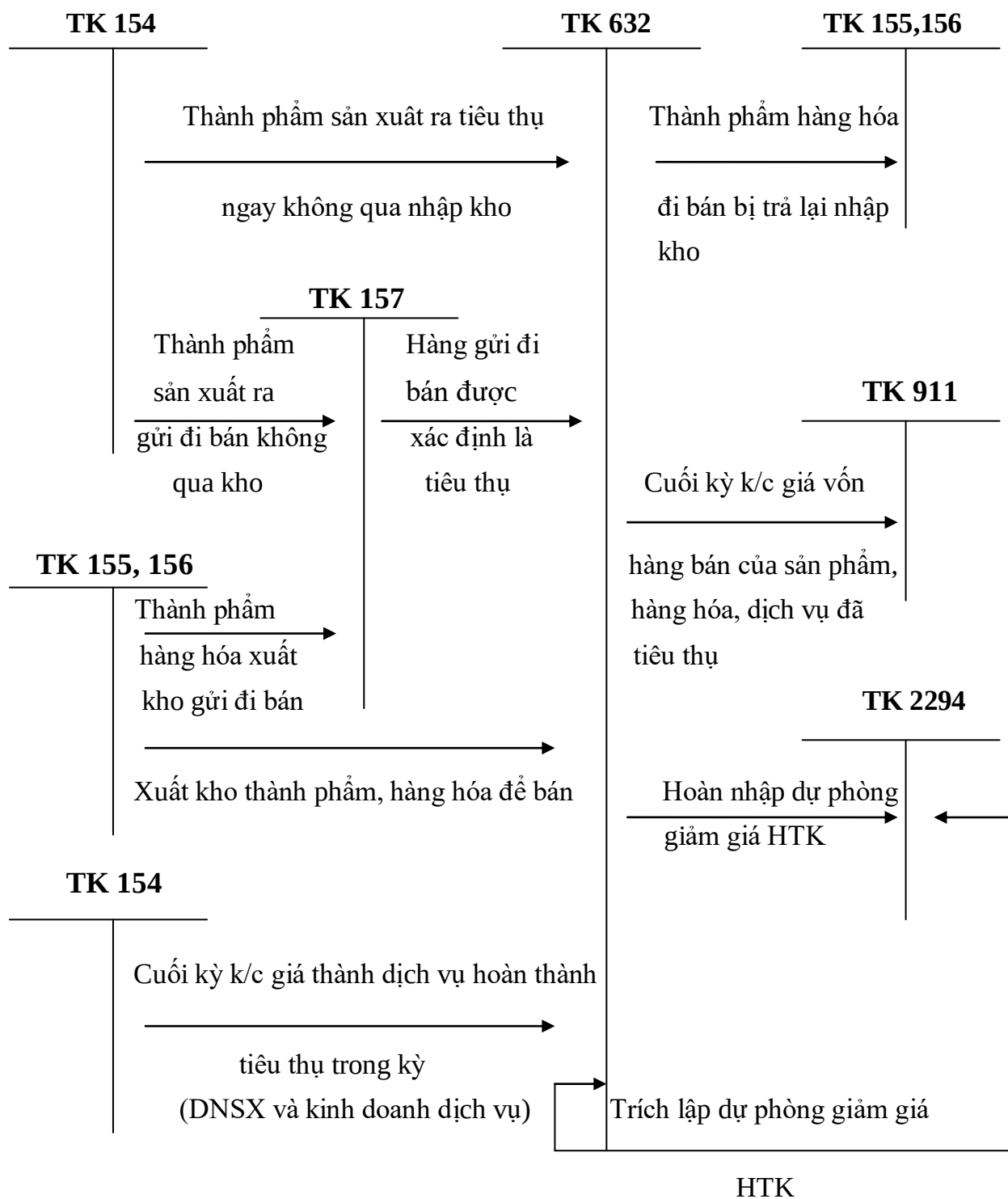
➤ **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”.

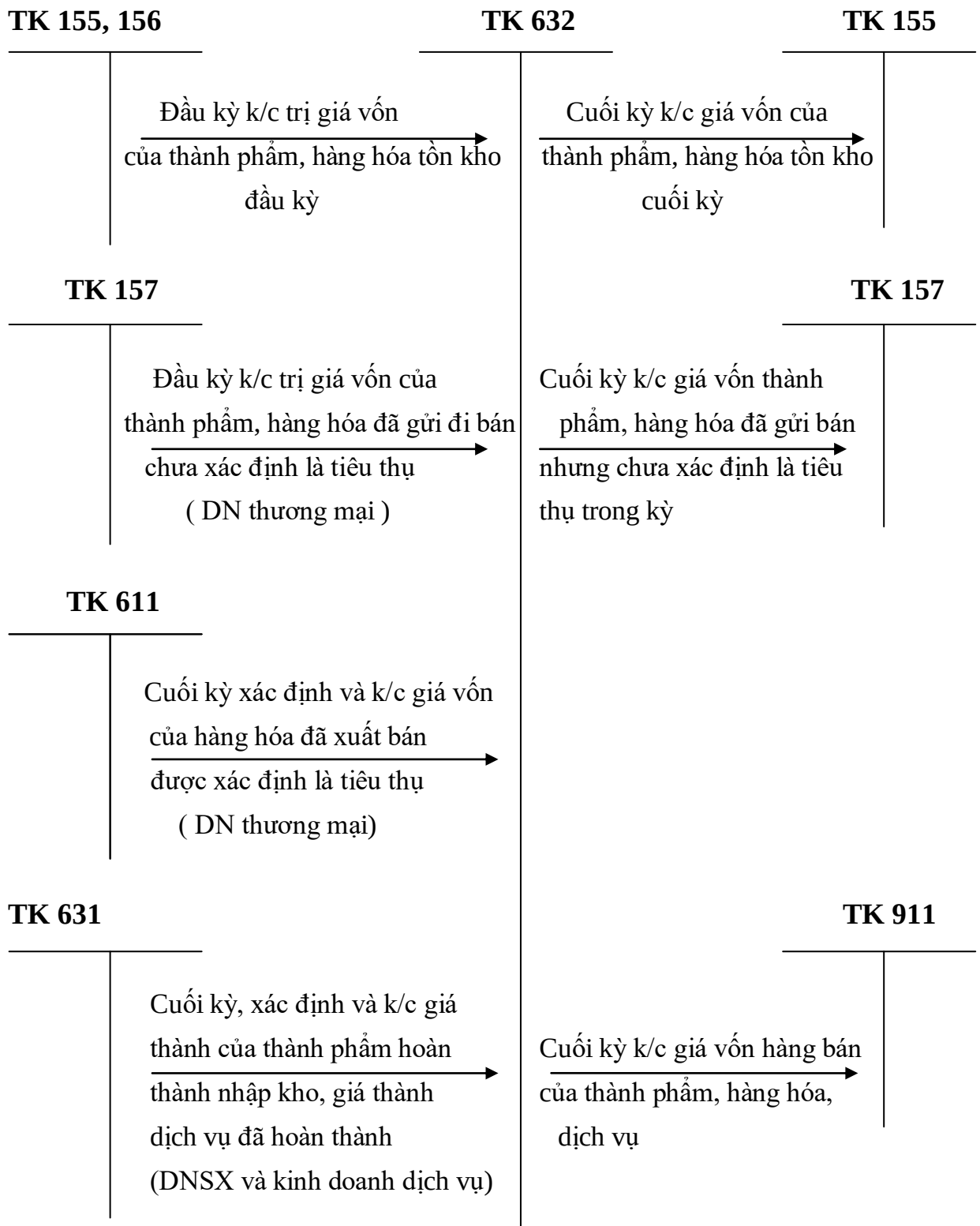
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai **sơ đồ 1.2** và **sơ đồ 1.3** như sau:



Sơ đồ 1.2 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515

➤ **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ **Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Kết cấu tài khoản 635

➤ **Bên Nợ**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

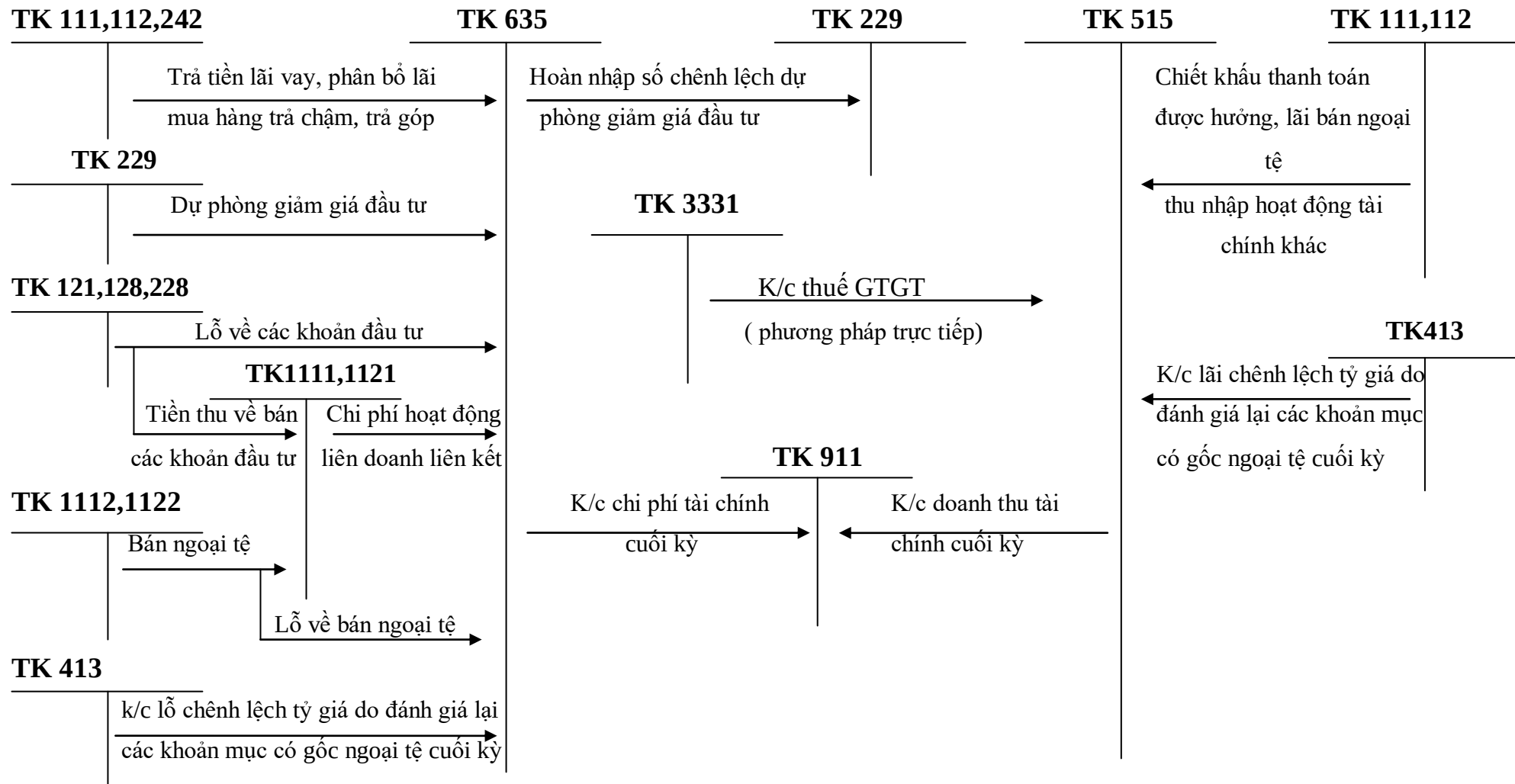
➤ **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.4** như sau:



Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

Kết cấu tài khoản 642

➤ **Bên Nợ**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ **Bên Có**

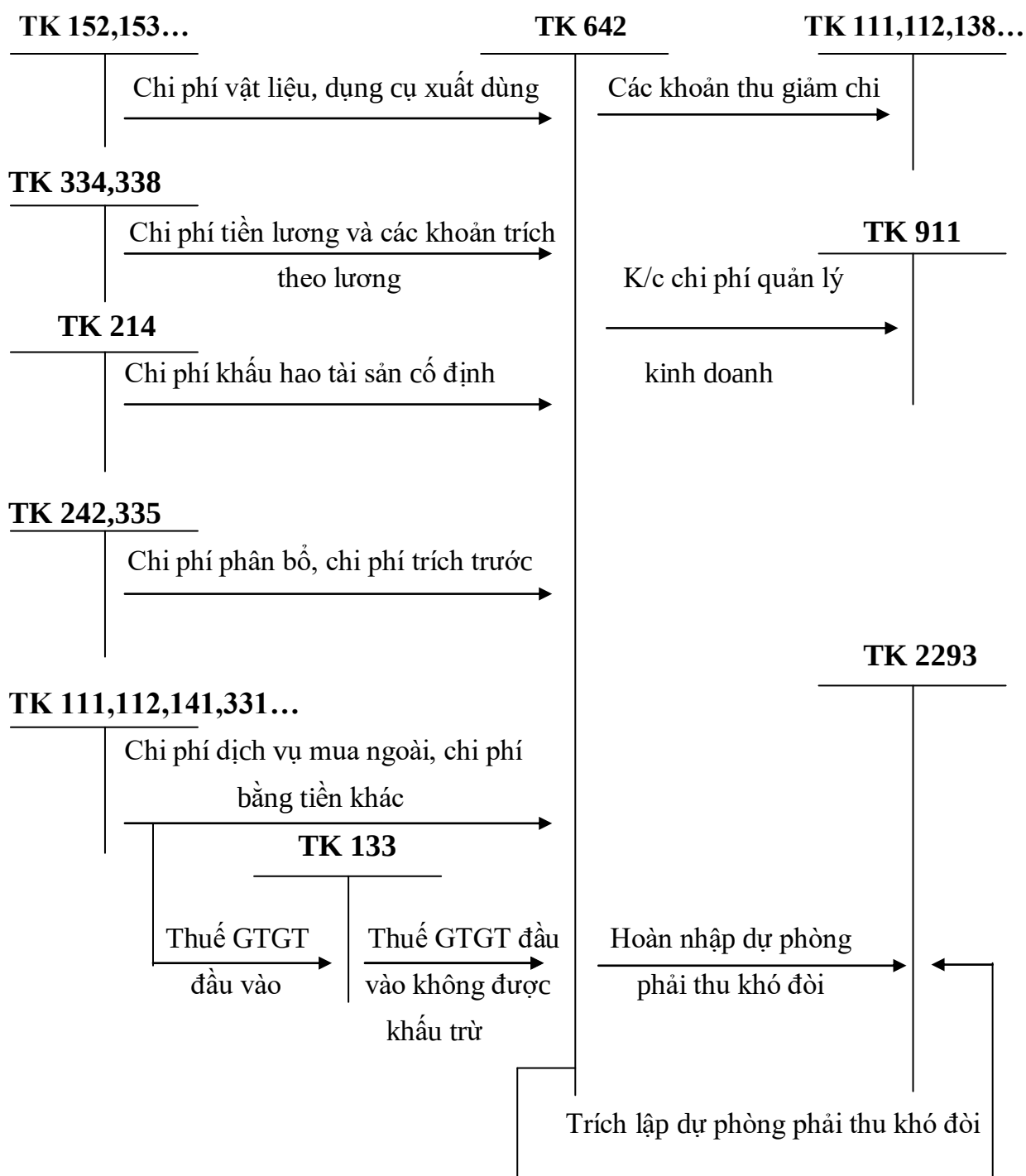
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 642 có 2 TK cấp 2:**

TK 6421 - Chi phí bán hàng và TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711 “Thu nhập khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 711

➤ **Bên Nợ**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ **Bên Có**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 811 “Chi phí khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811

➤ **Bên Nợ**

Các khoản chi phí khác phát sinh

➤ **Bên Có**

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua **sơ đồ 1.6** như sau:

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ. Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết cấu tài khoản 911

➤ **Bên Nợ**

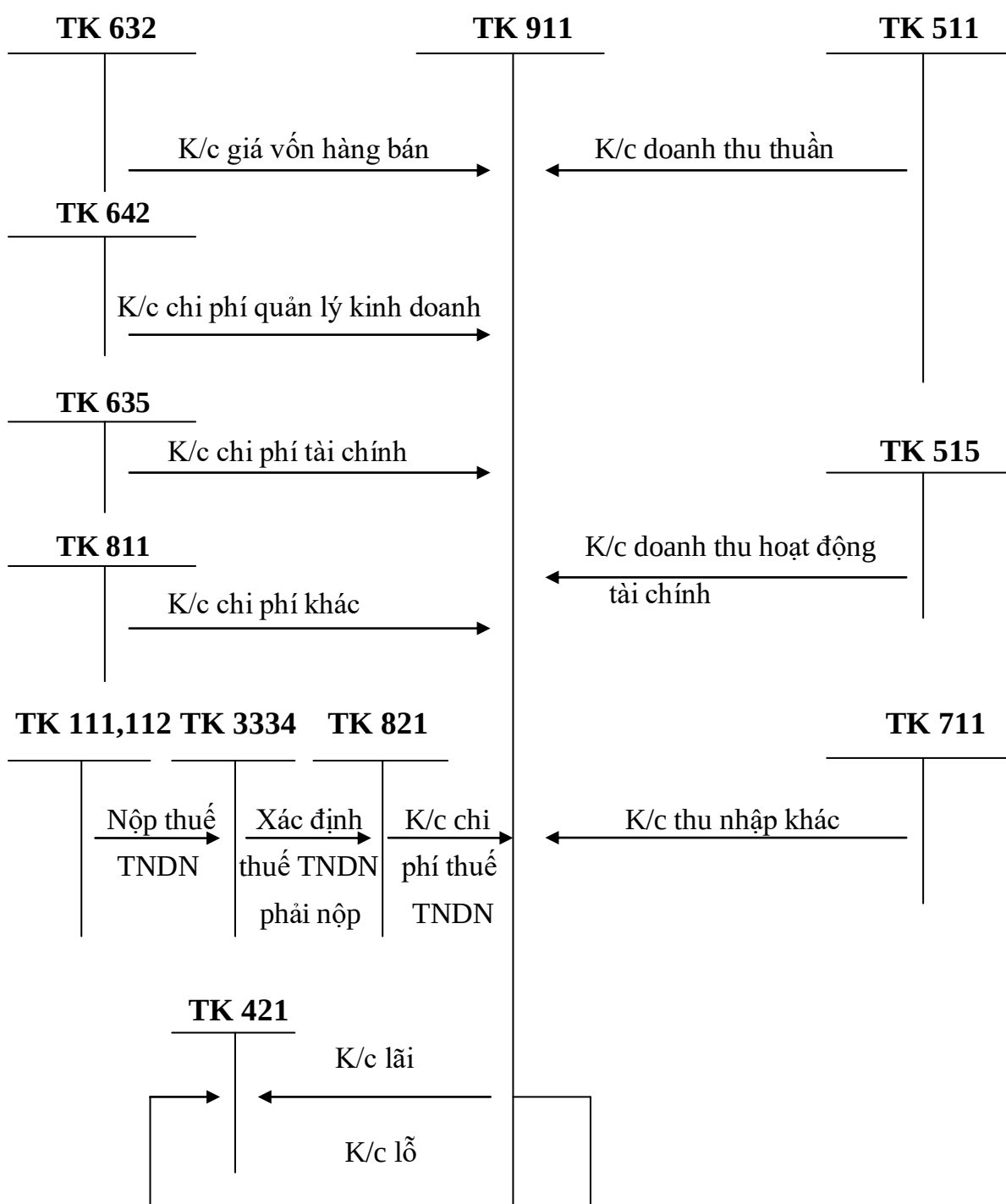
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

➤ **Bên Có**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

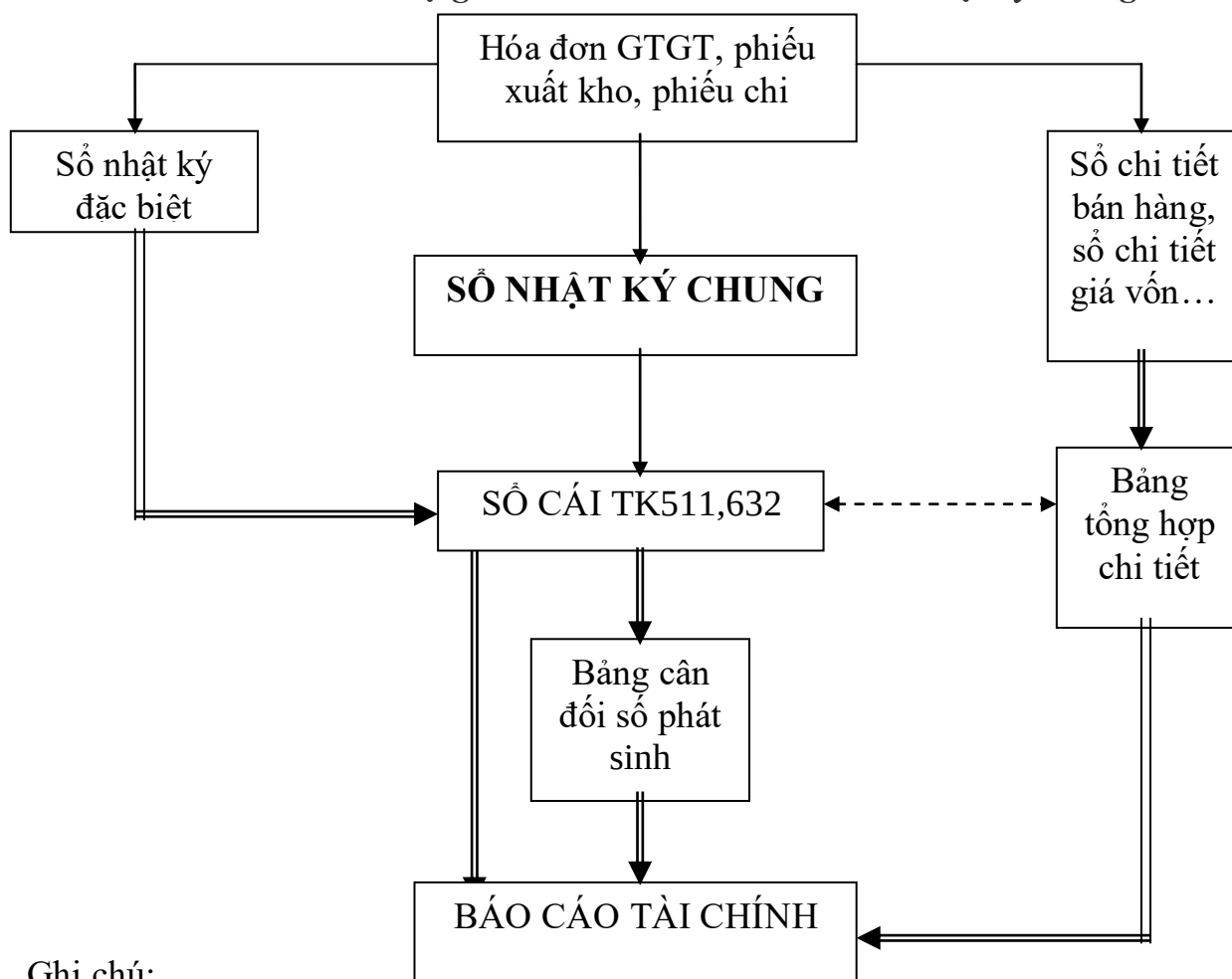
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái.
- Sổ, thẻ chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

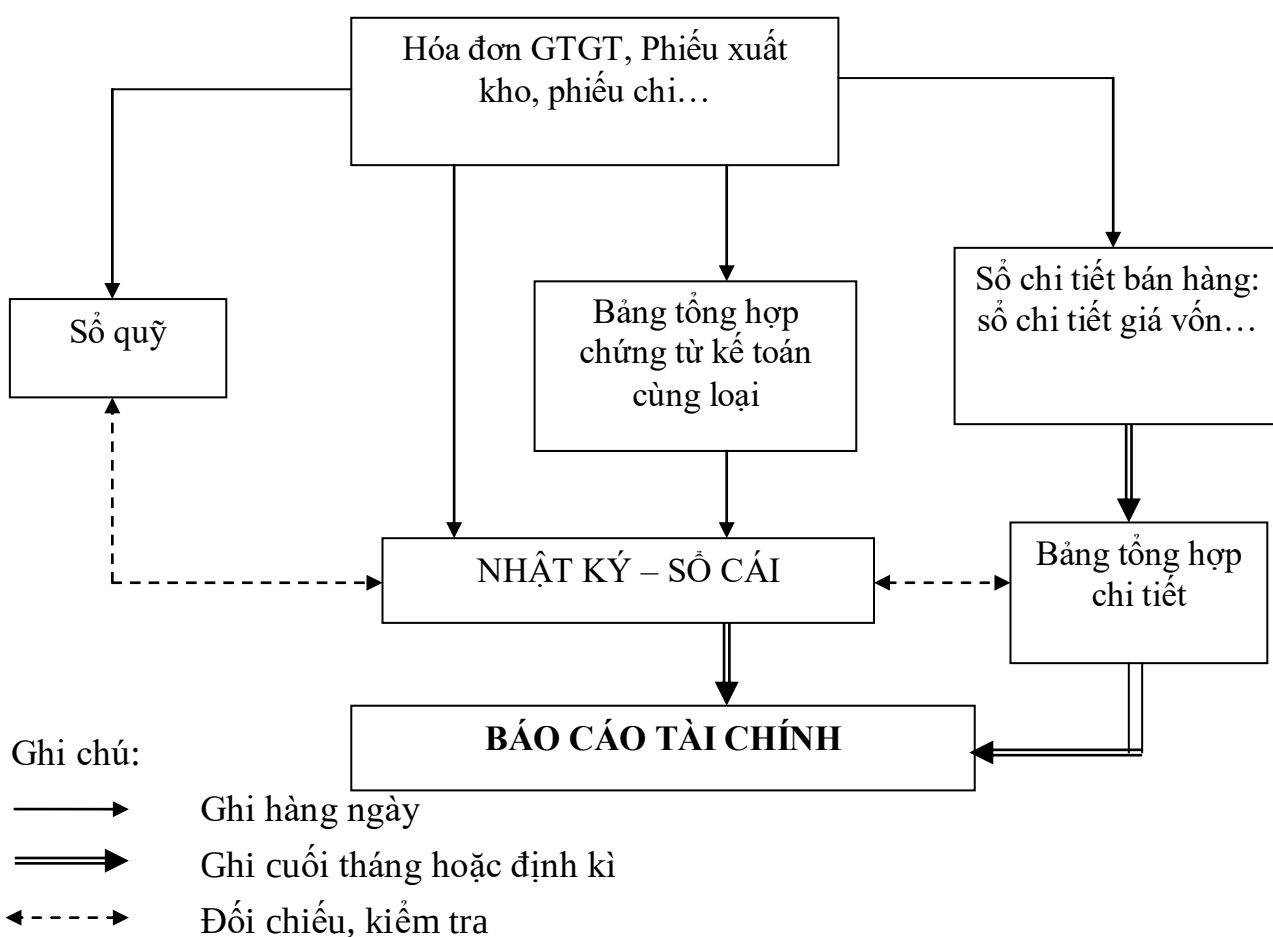
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

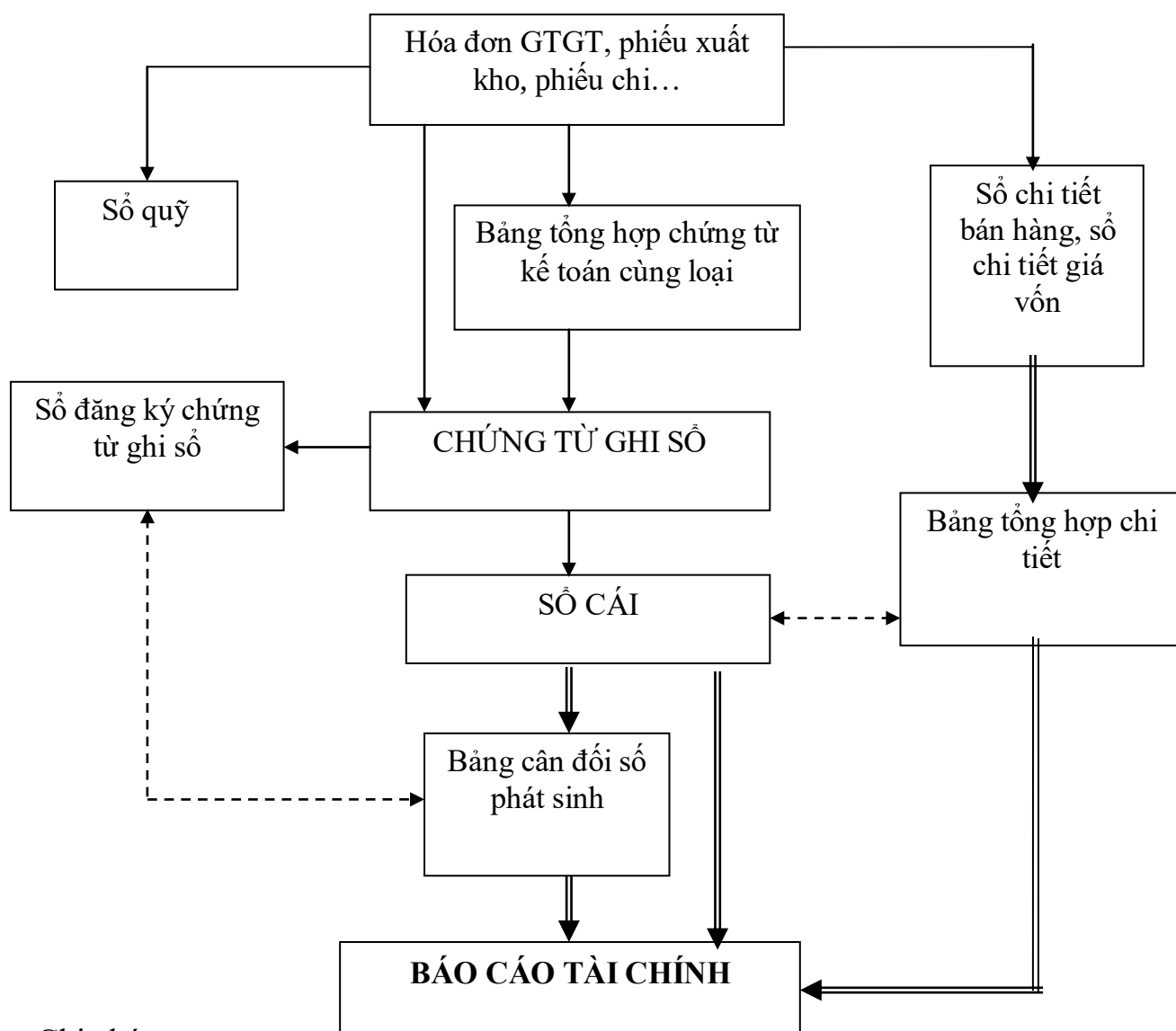


1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

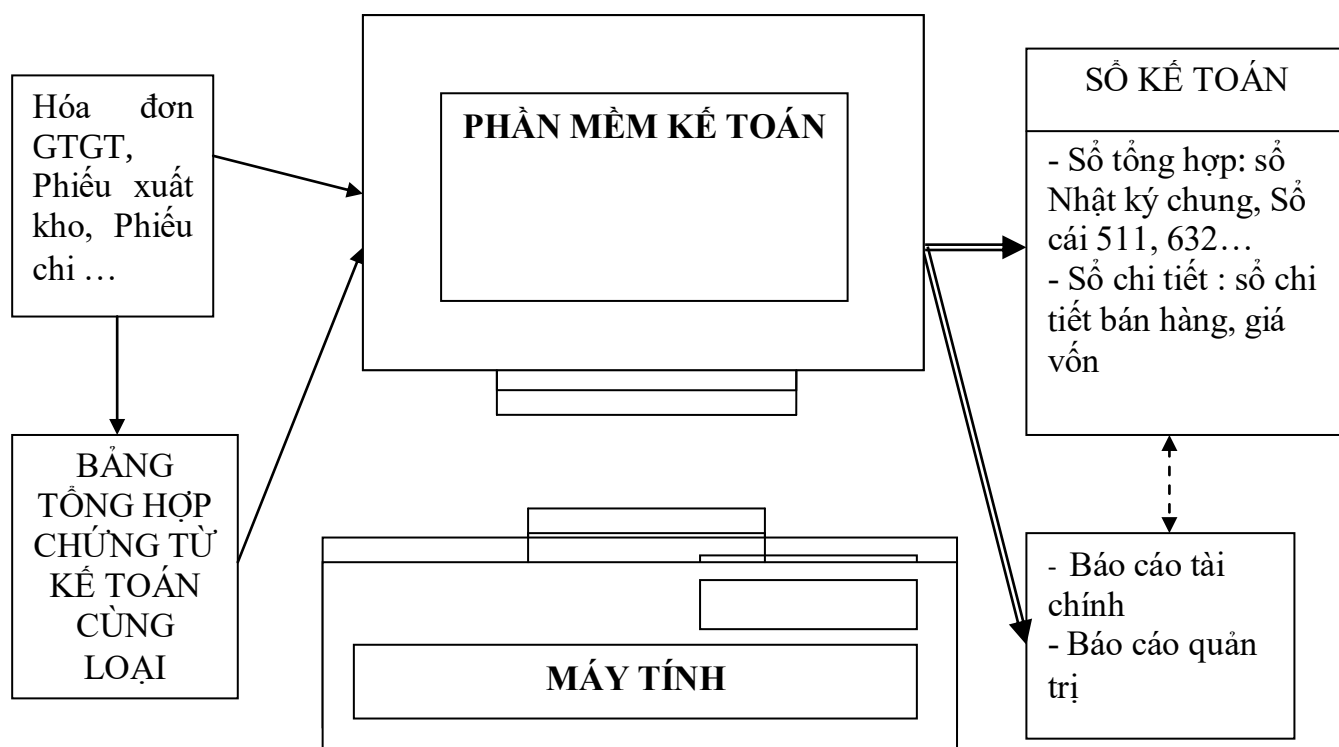


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH

2.1 Khái quát chung về doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh

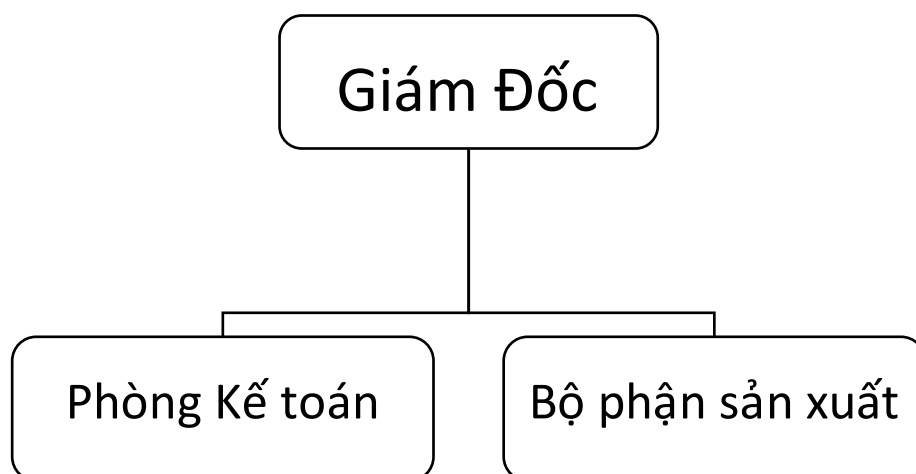
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh sửa chữa và chế tạo cơ khí có trụ sở chính tại Hải Phòng.

- Tên doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân Cơ Khí Tuấn Hoàng Anh
- Ngày thành lập: 31 – 12 – 2002
- Ngày hoạt động: 01 – 01 – 2003
- Giấy phép số: 0200505294 - Do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 24T25 Xi măng – Thượng lý – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200505294
- Vốn điều lệ: 965.000.000

Hiện nay, doanh nghiệp đã trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực việc gia công sửa chữa kim loại có nhiều đối tác trong thành phố Hải Phòng nói chung và các tỉnh thành lân cận như: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh. Và đặc biệt đang cùng hợp tác với một số công ty ở TP.Hồ Chí Minh nhằm đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh



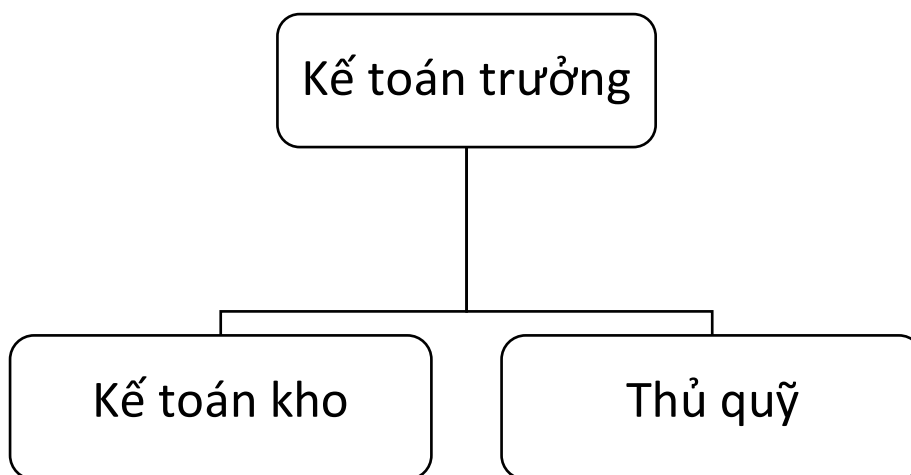
Giám đốc: là người đại diện theo pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm về quản lý, điều hành tất cả mọi công việc hàng ngày của toàn công ty.

Bộ phận sản xuất: chịu trách nhiệm sản xuất và gia công các đơn hàng.

Phòng kế toán: quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán. Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, điều lệ và quy chế tài chính của công ty. Đáp ứng nhu cầu tài chính cho mọi hoạt động kinh doanh của công ty theo kế hoạch. Tiếp nhận và xử lý các công việc nội bộ trong doanh nghiệp. Lưu trữ, phát hành văn bản, con dấu có tính chất pháp lý và chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc và pháp luật về tính pháp lý.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Kế toán trưởng: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

Kế toán kho và thủ quỹ: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCD: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán:

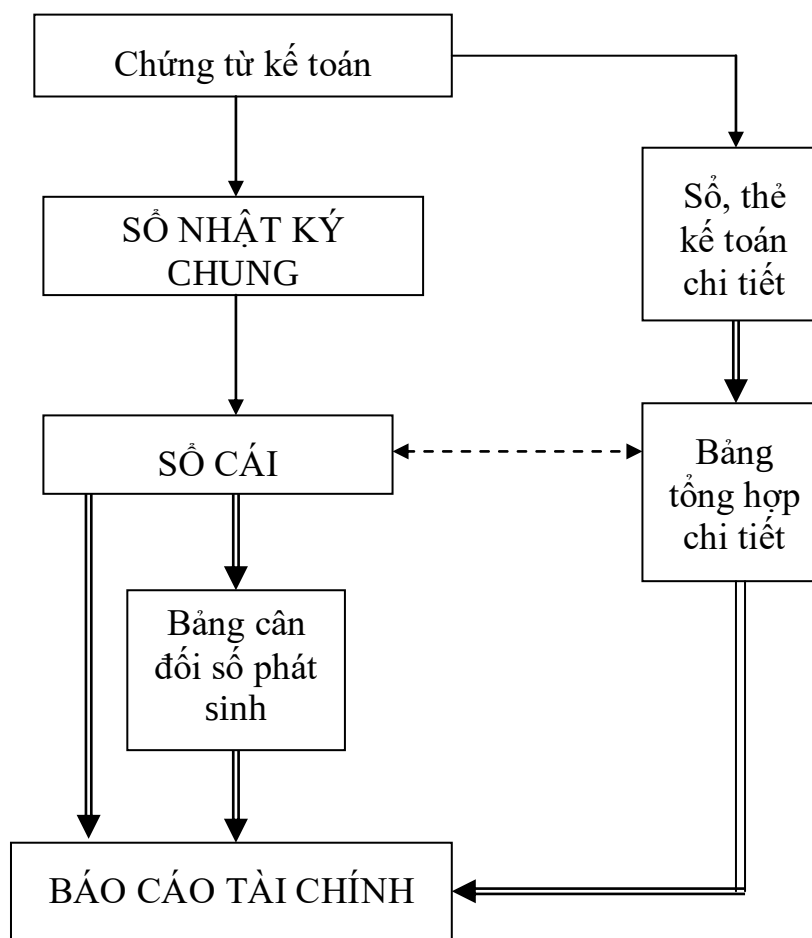
Công ty vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ Cái;
- Sổ chi tiết các tài khoản;

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

2.2.1.1. Nội dung doanh thu tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh

Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh chuyên gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, thiết kế và sửa máy móc, thiết bị, xây dựng nhà xưởng,... Vì vậy doanh thu tại công ty chủ yếu là doanh thu cung cấp dịch vụ gia công cơ khí, sửa chữa

- Hình thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
- Các chứng từ khác có liên quan

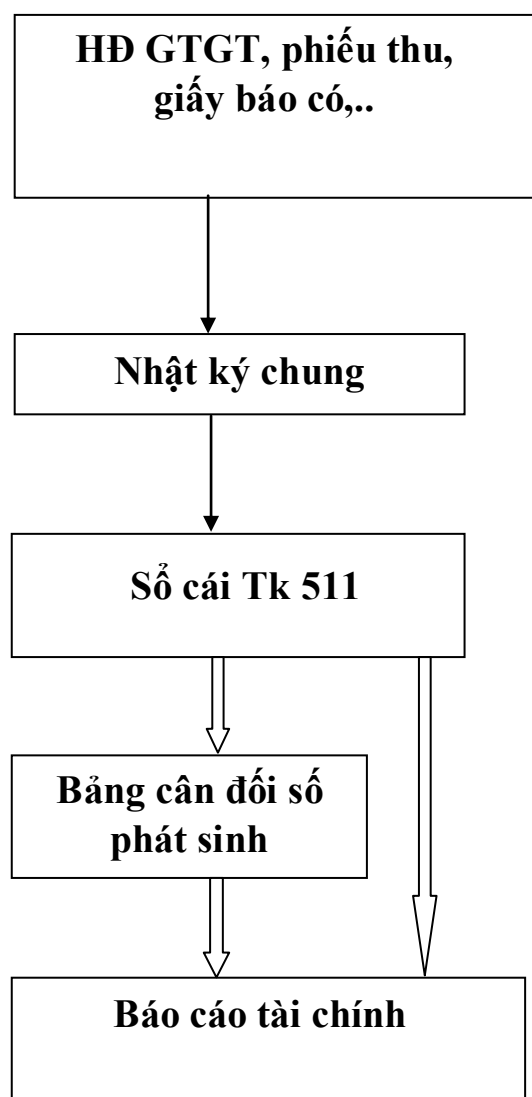
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các TK khác liên quan: TK 111, 112, 131..

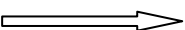
2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.13 quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1:

Ngày 01/11/2017 gia công chi tiết cho Công ty CP Công nghiệp điện hải phòng theo hóa đơn GTGT số 0000272 (**Biểu số 2.1**), thu bằng tiền mặt theo phiếu thu số 150 (**Biểu số 2.3**).

Kế toán định khoản :

Nợ TK 111: 9.020.000

Có TK 511: 8.200.000

Có TK 3331: 820.000

Từ HĐ số 0000272 và PT150 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.6). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 (Biểu số 2.7)

Ví dụ 2:

Ngày 05/11/2017 phay sửa chữa đã bàn giao cho Công ty CP ORS hải phòng theo hóa đơn GTGT số 0000273 (**Biểu số 2.4**), thu bằng chuyển khoản theo giấy báo có (**Biểu số 2.5**).

Kế toán định khoản :

Nợ TK 112: 16.115.000

Có TK 511: 14.650.000

Có TK 3331: 1.465.000

Từ HĐ số 0000273 và GBC kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.6**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.7**)

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000272

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/002	
Liên 3: Nội bộ				Kí hiệu: AA/17P	
Ngày 01 tháng 11 năm 2017				Số: 0000272	
Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH					
Mã số thuế: 0200505294					
Địa chỉ: Số 24T25 Xi măng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0313.540542					
Số tài khoản: 86889899 tại Ngân hàng TMCP Á Châu Hải Phòng					
Họ và tên người mua hàng: Trần Xuân Thủy					
Tên đơn vị: Công ty CP Công nghiệp điện Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200547512					
Địa chỉ: Số 3 – Km92 Đường 5 mới – Hùng Vương – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: tiền mặt Số TK: 7253253252312 tại Ngân hàng Agribank					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Gia công chi tiết (theo bảng kê đính kèm)				8.200.000
Cộng tiền hàng:					8.200.000
Thuế suất GTGT:		Tiền thuế GTGT:			820.000
Tổng tiền thanh toán:					9.020.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.2: Bảng kê chi tiết gia công

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH

Địa chỉ: Số 24 T25 Xi măng, P. Thượng lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

MST: 020050294

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIA CÔNG

Kèm theo hóa đơn số: 0000272

ngày 01/11/2017

Khách hàng: Công ty CP công nghiệp điện hải phòng

Địa chỉ: Số 3 – Km92 Đường 5 mới – Hùng Vương – Hải Phòng

Mã số thuế: 0200547512

STT	Chi tiết	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Trục D70x1220 và then	Bộ	1	2.100.000	2.100.000
2	Bạc F120x62	Cái	2	230.000	460.000
3	Bạc F120x70	Cái	1	250.000	250.000
4	Bu lông M16x170 (BL ren phải)	Bộ	2	220.000	440.000
5	Bu lông M16x170 (BL ren trái)	Bộ	2	220.000	440.000
6	Trục D50x1710 và then	Bộ	1	1.510.000	1.510.000
7	Bạc F95x48	Cái	2	210.00	420.000
8	Bu lông M20x195 (Ren phải)	Bộ	2	220.000	440.000
9	Bu lông M20x195 (Ren trái)	Bộ	2	220.000	440.000
10	Phay mặt phẳng PL12x150x200	Cái	8	170.00	1.360.000
11	Phay mặt phẳng PL12x200x250	Cái	2	170.000	340.000
Cộng tiền hàng					8.200.000
Thuế GTGT 10%					820.000
Tổng tiền hàng					9.020.000

Bằng chữ: Chín triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.

BÊN MUA HÀNG

BÊN BÁN HÀNG

Biểu số 2.3: *Phiếu thu số 150*

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Số :150

Ngày 01 tháng 11 năm 2017

Nợ TK 111
Có TK 511
Có TK 3331

Họ và tên người nộp tiền: Trần Xuân Thủy

Địa chỉ: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Lý do nộp: thanh toán tiền gia công

Số tiền: 9.020.000 (Viết bằng chữ: Chín triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.)

Kèm theo: HĐ GTGT Số 0000272

Ngày 01 tháng 11 năm 2017

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nộp tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: *Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000273*

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/002		
Liên 3: Nội bộ			Kí hiệu: AA/17P		
Ngày 05 tháng 11 năm 2017			Số: 0000273		
Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH					
Mã số thuế: 0200505294					
Địa chỉ: Số 24T25 Xi măng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0313.540542					
Số tài khoản: 86889899 tại Ngân hàng TMCP Á Châu Hải Phòng					
Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Phú					
Tên đơn vị: Công ty CP ORS Hải Phòng					
Mã số thuế: 0201302970					
Địa chỉ: Số 55, đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản Số TK: 7380201008358 tại Ngân hàng Agribank					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phay sửa chữa Holden	Cái	2	3.500.000	7.000.000
2	Phay phá D540	Cái	1	1.700.000	1.700.000
3	Phay sửa chữa hạ đế Holden Sawblook	Cái	1	5.950.000	5.950.000
Cộng tiền hàng:					14.650.000
Thuế suất GTGT:		Tiền thuế GTGT:			1.465.000
Tổng tiền thanh toán:					16.115.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm mười lăm ngàn đồng.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.5: *Giấy báo có*



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 05/11/2017

Mã GDV TRẦN THỊ THỦY
Mã KH 54321
Số GD 356

Kính gửi: Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh
Mã số thuế: 0200505294

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung sau

Số tài khoản ghi có 86889899

Số tiền bằng số 16.115.000

Số tiền bằng chữ Mười sáu triệu một trăm mười lăm ngàn đồng.

Nội dung Cty ORS thanh toán tiền hàng HĐ GTGT số 0000273

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.6: Nhật ký chung

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....						
01/11	HD272 PT 150	01/11	Gia công chi tiết cho cty CP công nghiệp điện Hải phòng, đã thanh toán bằng tiền mặt	111	9.020.000	
				511		8.200.000
				3331		820.000
.....						
05/11	HD273 GBC05 11	05/11	Phay sửa chữa cho Cty ORS đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng	112	16.115.000	
				511		14.650.000
				3331		1.465.000
.....						
10/11	HD 274	10/11	Gia công chi tiết thang máy cho cty Huyền Trang , chưa thanh toán	131	28.600.000	
				511		26.000.000
				3331		2.600.000
.....						
31/12	PKT 05	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ	632	3.263.064.928	
				154		3.263.064.928
.....						
			Cộng phát sinh		55.379.855.276	55.379.855.276

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2017
 Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Số hiệu: 511

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số phát sinh</u>			
						
01/11	HD 272	01/11	Gia công chi tiết cho cty CP công nghiệp điện Hải phòng, đã thanh toán bằng tiền mặt	111		8.200.000
05/11	HD 273	05/11	Phay sửa chữa cho Cty ORS đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng	112		14.650.000
10/11	HD 274	10/11	Gia công chi tiết thang máy cho cty Huyền Trang	131		26.000.000
.....						
31/12	PKT 06	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2017	911	3.383.440.016	
			Cộng số phát sinh		3.383.440.016	3.83.440.016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh

❖ Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Do đặc điểm của ngành dịch vụ, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp, quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo. Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ. Do đó tại công ty toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động gia công cơ khí đều được tập hợp và hạch toán vào TK 154, cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

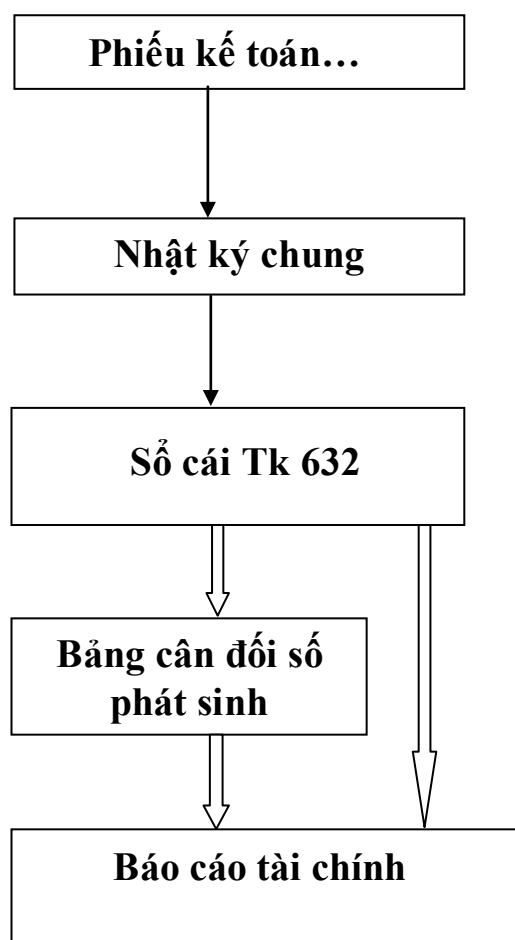
❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

❖ Ví dụ minh họa

Trong kỳ khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động gia công cơ khí thì kế toán căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào Nhật Ký chung, từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 154. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 154 kế toán lập phiếu kế toán để thực hiện bút toán kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632.

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 154

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH

Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>			
						
31/12	BL T12	31/12	Tiền lương CNV T12	334	89.950.000	
31/12	HĐ179 207	31/12	Tiền điện phục vụ phân xưởng	111	7.491.660	
31/12	PKT 05	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK632	632		2.563.064.928
			Cộng phát sinh		2.563.064.928	2.563.064.928
			<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: *Phiếu kế toán*

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Số: 05

Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
		Nợ	Có
Kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632	632	2.563.064.928	
	154		2.563.064.928
Tổng cộng		2.563.064.928	2.563.064.928

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Trích nhật ký chung năm 2017

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....						
05/11	HĐ 273, GBC 0511	05/11	Phay sửa chữa cho Cty ORS đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng	112	16.115.000	
				511		14.650.000
				3331		1.465.000
.....						
10/11	HĐ 274	10/11	Gia công chi tiết thang máy cho cty Huyền Trang , chưa thanh toán	131	28.600.000	
				511		26.000.000
				3331		2.600.000
.....						
31/12	PKT 05	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632	632	2.563.064.928	
				154		2.563.064.928
.....						
31/12	PKT 07	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2017	911	2.563.064.928	
				632		2.563.064.928
.....						
			Cộng phát sinh		55.379.855.276	55.379.855.276

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2017
 Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
 Số hiệu: 632

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ sang Tk 632	154	2.563.064.928	
31/12	PKT07	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2017	911		2.563.064.928
			Cộng phát sinh		2.563.064.928	2.563.064.928

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

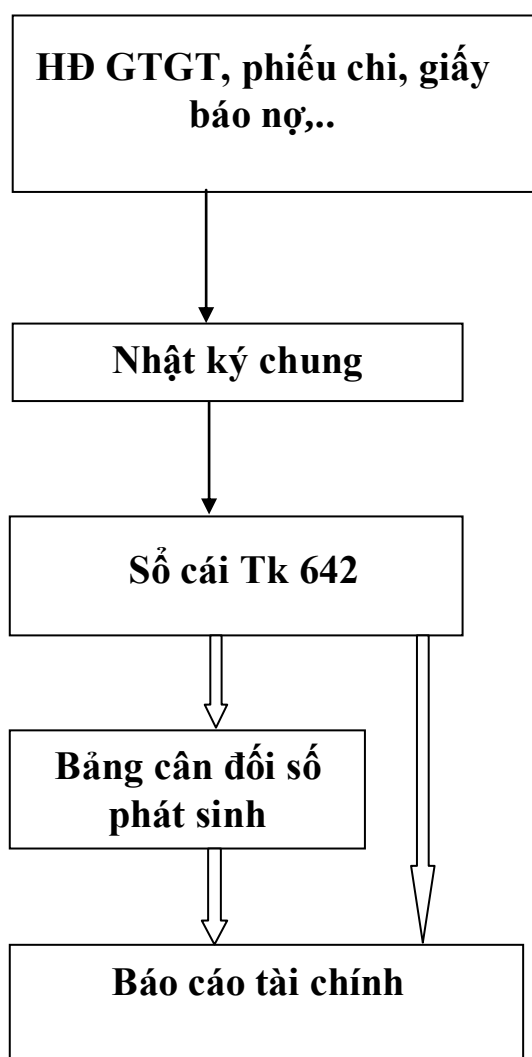
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ tiền lương
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp;...

2.2.3.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

Ví dụ:

Ngày 12/11/2017 Doanh nghiệp thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10/2017. Căn cứ vào HĐ (**Biểu số 2.12**) kế toán lập phiếu chi (**Biểu số 2.13**). Từ các chứng từ trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.14**) và sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.15**)

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE
(VAT)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AC/2017T

Số: 2944789

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0106869738-056

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name) : Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh

Mã số thuế: 0200505294

Địa chỉ (Address): Số 24T25 Thượng lý - Hồng Bàng - Hải Phòng

Số điện thoại: 02253540542

Hình thức thanh toán: Tiền Mặt

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)
	KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 10/2017				
	1.Cước DV viễn thông				233.256
	2.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	3.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	4.Khuyến mại				0
	5.Trừ đặt cọc + trích + thưởng + nợ				0
(1+2+3+4) Cộng tiền dịch vụ (Total) (A):					233.256
Thuế suất GTGT (VAT rule): 10% x (1) = VAT amount (B):					23.326
(A+B+5) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (A+B):					256.582

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm năm sáu nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
 (Signature of dealing staff)

Biểu 2.12 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông ngày 12/11/2017

Biểu số 2.13: *Phiếu chi*

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Số :144

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Nợ TK 642
Nợ TK 133
Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thanh Mai

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Lý do chi: trả tiền cước viễn thông T10/2017

Số tiền: 256.582 (Viết bằng chữ: *Hai trăm năm sáu nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.*)

Kèm theo: HĐ GTGT

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Nhật ký chung

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....						
05/11	HĐ 273, GBC 0511	05/11	Phay sửa chữa cho Cty ORS đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng	112	16.115.000	
				511		14.650.000
				3331		1.465.000
.....						
10/11	HĐ 274	10/11	Gia công chi tiết thang máy cho cty Huyền Trang , chưa thanh toán	131	28.600.000	
				511		26.000.000
				3331		2.600.000
.....						
12/11	HĐ 4789 PC 144	12/11	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10/2017	642	233.256	
				133	23.326	
				111		256.582
.....						
			Cộng phát sinh		55.379.855.276	55.379.855.276

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2017
 Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
 Số hiệu: 642

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>			
.....						
12/11	PC144	12/11	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10/2017	111	233.256	
.....						
30/11	PC165	30/11	Mua văn phòng phẩm	111	426.000	
.....						
31/12	PKT 06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2017	911		722.915.253
			Cộng số phát sinh		722.915.253	722.915.253
			<u>SĐCK</u>			

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

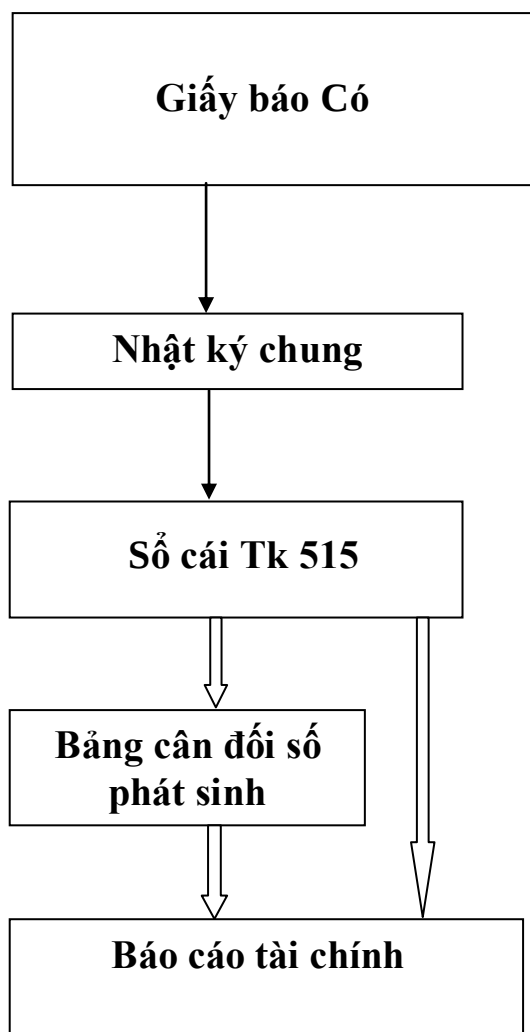
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có
- Phiếu trả lãi tài khoản

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản liên quan

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: →

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

Ngày 25/11/2017 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi tháng 11. Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (**Biểu số 2.16**) kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.17**) sau đó vào sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.18**)

Biểu số 2.16: Giấy báo có của Ngân Hàng



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/11/2017

Mã GDV LÊ THỊ MAI

Mã KH 55867

Số GD 379

Kính gửi: Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh
Mã số thuế: 0200505294

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung sau

Số tài khoản ghi có 86889899

Số tiền bằng số 70.112

Số tiền bằng chữ Bảy mươi ngàn một trăm mười hai đồng.

Nội dung Lãi nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.17: Nhật ký chung

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....						
01/11	HĐ 272 PT 150	01/11	Gia công chi tiết cho cty CP công nghiệp điện Hải phòng, đã thanh toán bằng tiền mặt	111	9.020.000	
				511		8.200.000
				3331		820.000
.....						
05/11	HĐ 273 GBC 0511	05/11	Phay sửa chữa cho Cty ORS đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng	112	16.115.000	
				511		14.650.000
				3331		1.465.000
.....						
25/11	GBC 2511	25/11	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	112	70.112	
				515		70.112
.....						
31/12	PKT 05	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ	632	3.263.064.928	
				154		3.263.064.928
.....						
			Cộng phát sinh		55.379.855.276	55.379.855.276

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 515

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2017
 Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
 Số hiệu: 515

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số phát sinh</u>			
						
25/11	GBC 2511	25/11	Lãi tiền gửi ngân hàng T11/2017	112		70.112
31/12	GBC 3112	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12/2017	112		71.256
31/12	PKT 11	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2017	911	842.116	
			Cộng phát sinh trong năm		842.116	842.116

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2017, doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

TK 632: Giá vốn hàng bán

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

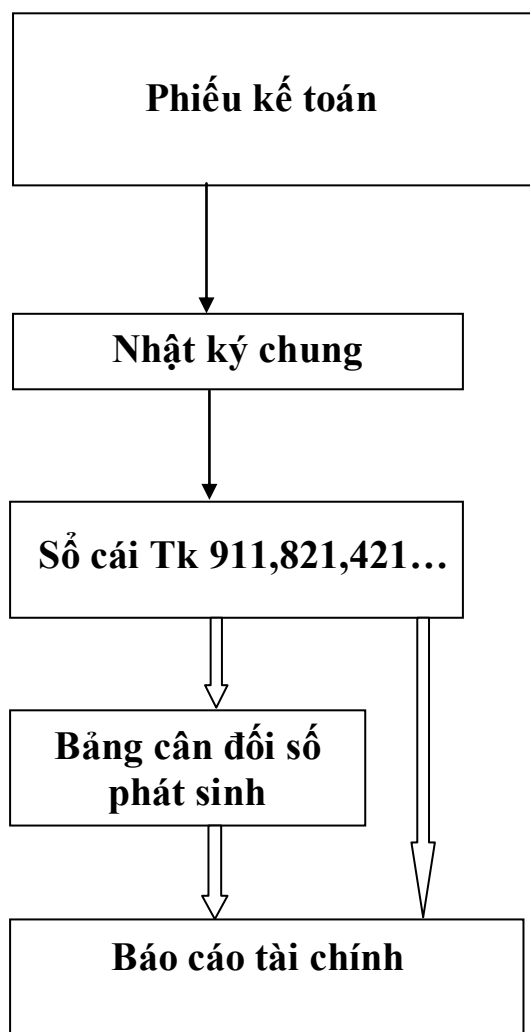
TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK 711: Thu nhập khác

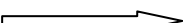
TK 811: Chi phí khác

2.2.6.3 Quy trình hạch toán



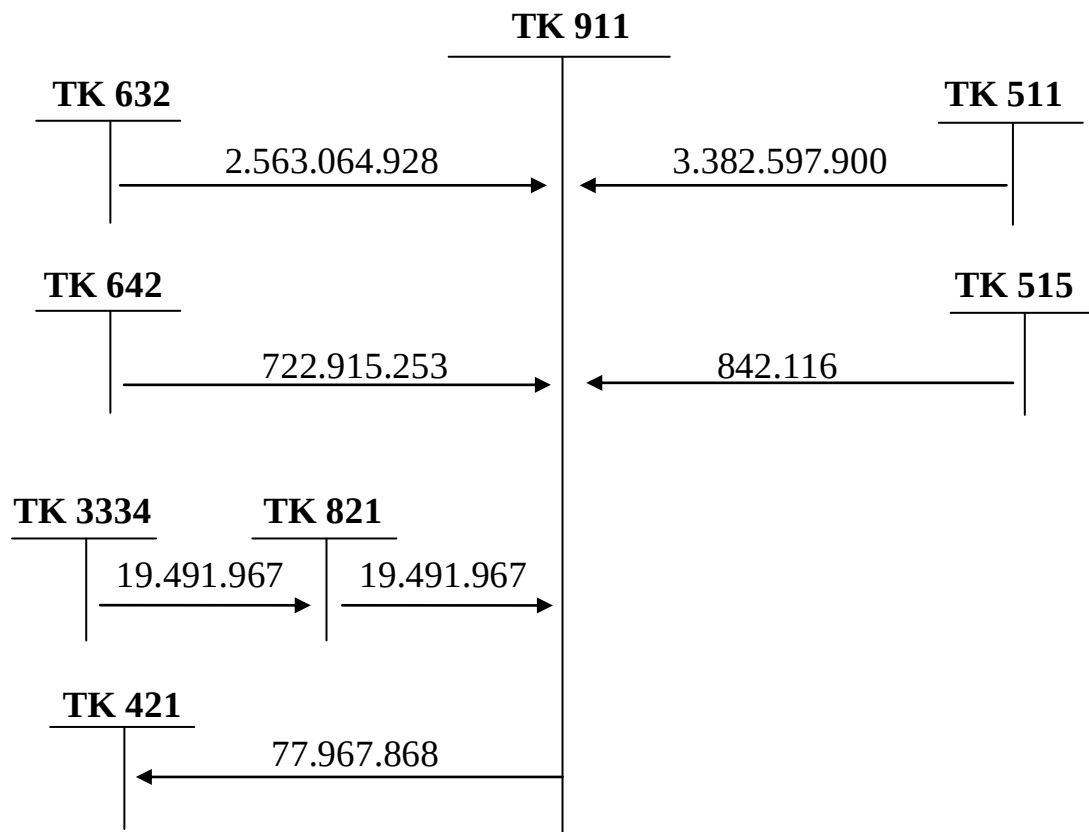
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

2.2.6.4 Ví dụ minh họa

Cuối năm kế toán tập hợp số liệu lập ra các phiếu kế toán kế chuyển xác định kết quả kinh doanh (**Biểu số 2.19, 2.20, 2.21, 2.22, 2.23**). Căn cứ vào các phiếu kế toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.24**). Từ đó kế toán ghi sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.25**).



Biểu số 2.19: *Phiếu kế toán 06*

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số: 06

Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
		Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu năm 2017	515	842.116	
	511	3.382.597.900	
	911		3.383.440.016
Tổng cộng		3.383.440.016	3.383.440.016

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: *Phiếu kế toán 07*

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số: 07

Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
		Nợ	Có
Kết chuyển chi phí năm 2017	911	3.285.980.181	
	632		2.563.064.928
	642		722.915.253
Tổng cộng		3.285.980.181	3.285.980.181

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 08

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số: 08

Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
		Nợ	Có
Xác định thuế TNDN phải nộp	821	19.491.967	
	3334		19.491.967
Tổng cộng		19.491.967	19.491.967

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán 09

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số: 09

Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
		Nợ	Có
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	19.491.967	
	821		19.491.967
Tổng cộng		19.491.967	19.491.967

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: *Phiếu kế toán 10*

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Số: 10

Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
		Nợ	Có
Kết chuyển lãi	911	77.967.868	
	421		77.967.868
Tổng cộng		77.967.868	77.967.868

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Nhật ký chung

Đơn vị:DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH

Địa chỉ:24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....						
31/12	PKT 06	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2017	515	842.116	
				511	3.382.597.900	
				911		3.383.440.016
31/12	PKT 07	31/12	Kết chuyển chi phí năm 2017	911	3.285.980.181	
				632		2.563.064.928
				642		722.915.253
31/12	PKT 08	31/12	Xác định Thuế TNDN phải nộp	821	19.491.967	
				3334		19.491.967
31/12	PKT 09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	19.491.967	
				821		19.491.967
31/12	PKT 10	31/12	Kết chuyển lãi	911	77.967.868	
				421		77.967.868
			Cộng phát sinh		55.379.855.276	55.379.855.276

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số phát sinh</u>			
31/12	PKT 06	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2017	515		842.116
				511		3.382.597.900
31/12	PKT 07	31/12	Kết chuyển chi phí năm 2017	632	2.563.064.928	
				642	722.915.253	
31/12	PKT 09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	19.491.967	
31/12	PKT 10	31/12	Kết chuyển lãi	421	77.967.868	
			Số phát sinh		3.383.440.016	3.383.440.016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 821

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số phát sinh</u>			
31/12	PKT 08	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	19.491.967	
31/12	PKT 09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		19.491.967
			Số phát sinh		19.491.967	19.491.967

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27: Trích sổ cái TK 421

Đơn vị: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			189.526.352
31/12	PKT 10	31/12	Kết chuyển lãi	911		77.967.868
			<u>Số phát sinh</u>			77.967.868
			<u>Số dư cuối năm</u>			267.494.220

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị báo cáo: DNTN CƠ KHÍ TUẦN HOÀNG ANH
Địa chỉ: 24T25 Thượng lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.382.597.900	3.932.570.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		3.382.597.900	3.932.570.582
4. Giá vốn hàng bán	11		2.563.064.928	3.044.499.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		819.532.972	888.071.262
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		842.116	871.858
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		722.915.253	827.466.852
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + +21-22-24}	30		97.459.835	61.476.268
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		97.459.835	61.476.268
14. Chi phí thuế TNDN	51		19.491.967	12.295.254
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51)	60		77.967.868	49.181.014

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Tuấn Hoàng Anh

Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh. Với nền kinh tế thị trường đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần kinh tế, và lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức được sự chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà doanh nghiệp đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế trong nước cũng như quốc tế. Hơn những thế doanh nghiệp không ngừng mở rộng về quy mô và cả bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

3.1.1 Ưu điểm

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công tác kế toán doanh thu, chi phí

và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh, em nhận thấy doanh nghiệp có một số ưu điểm sau:

❖ **Về tổ chức bộ máy kế toán**

Việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hoá công việc.

❖ **Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ**

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng. Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

❖ **Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo thông tư số: 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính. Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ tài chính. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có đầy đủ chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

❖ **Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

➤ *Về tổ chức công tác doanh thu*

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ *Về công tác kế toán chi phí*

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

➤ *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là hạn chế của Công ty :

❖ **Về hình thức kế toán**

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

❖ **Về hệ thống sổ kế toán**

Công ty nên mở sổ chi tiết cho 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các yếu tố chi phí.

❖ **Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán**

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

❖ **Không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Hiện nay doanh nghiệp có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó doanh nghiệp chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, đó là một bất lợi cho doanh nghiệp.

3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Thực trạng kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai.

Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công ty nền quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó, công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp. Vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau đây:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

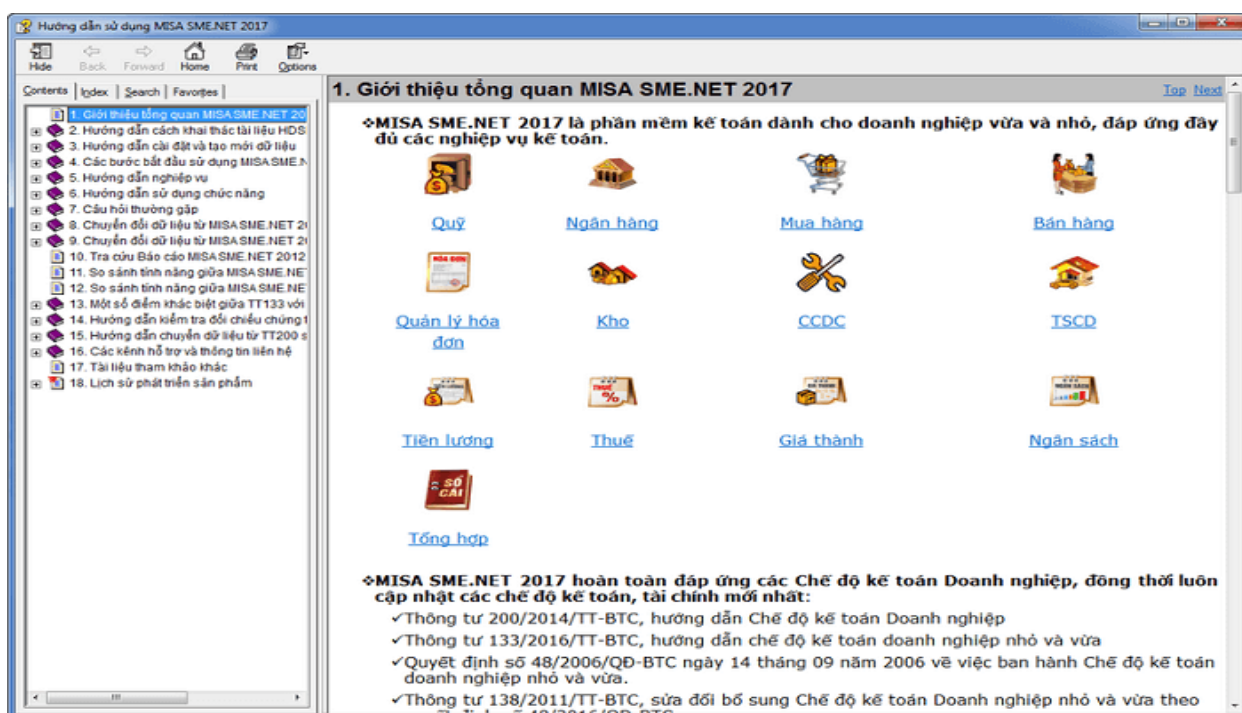
3.2.4 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.2.4.1 Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra các báo cáo chính xác, nhanh chóng nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng. Sau đây em xin giới thiệu qua về các phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

➤ **Phần mềm MISA.NET2017 giá: 12.950.000 đồng**



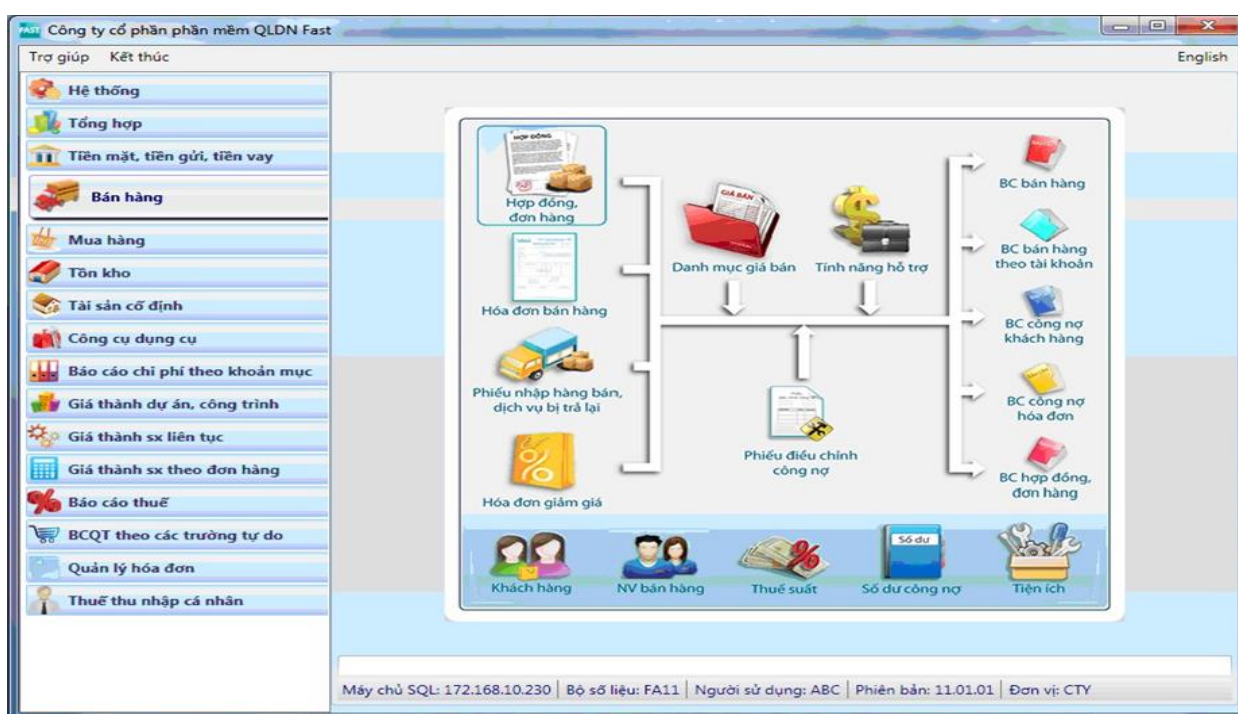
Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt.
- Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm kế toán MISA cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

➤ Phần mềm kế toán FAST



Giá của phần mềm FAST: 10.000.000đ/bản

Ưu điểm:

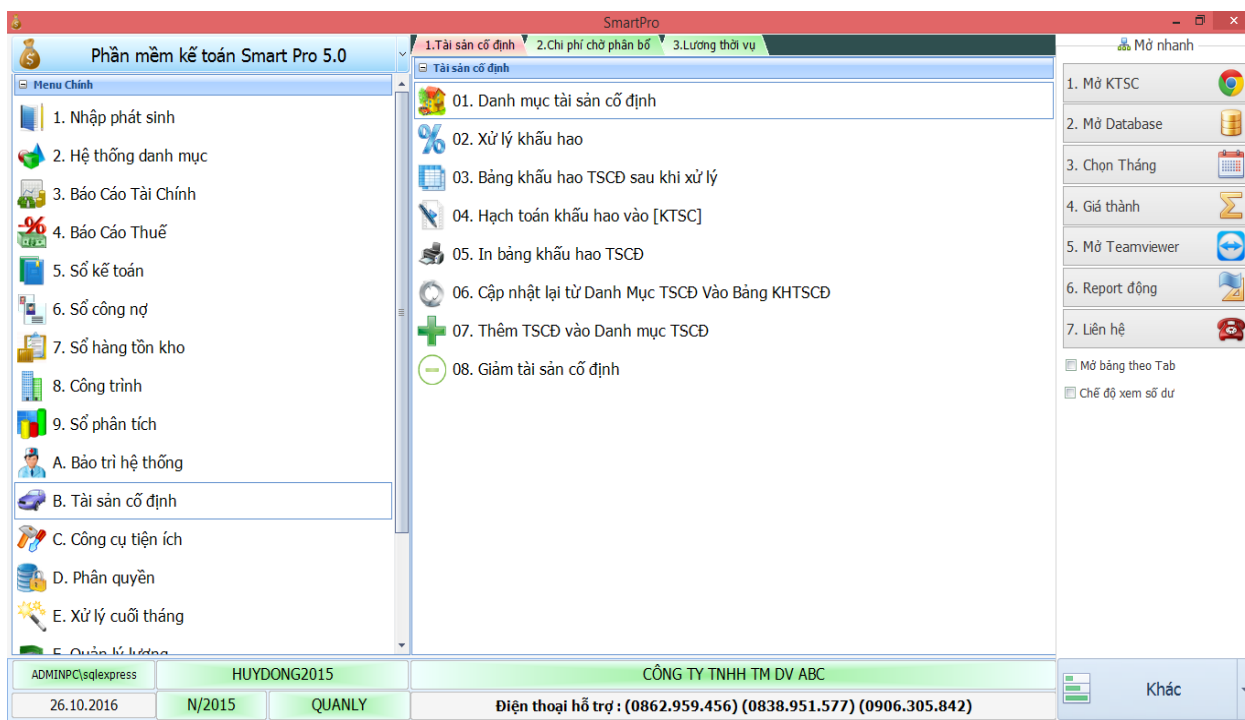
- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý nhanh.
- Cho phép kết xuất ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

➤ **Phần mềm kế toán thương mại SMART Pro 5.0 giá: 4.000.000 đồng**



- Nhập dữ liệu nhanh, thao tác ngắn gọn chỉ 1 màn hình nhập liệu không chia theo phân hệ, dễ quản lý, bảo trì & nâng cấp & chỉnh sửa theo biểu mẫu báo cáo mới của Bộ Tài Chính, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.

- Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mình đang nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.

- Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số) dựa trên Sql Server và DevExpress Gridview, dễ dàng lọc & phân tích dữ liệu giống như Subtotal và PivotTable của Excel.

- Công nghệ DevExpress Report động cho phép chỉnh các biểu mẫu báo cáo và các loại chứng từ gốc phù hợp với đơn vị. Chỉnh in hóa đơn theo mẫu doanh nghiệp.

- Công cụ quản trị bảng dữ liệu (In Báo Cáo Nhanh, đẩy dữ liệu ra file Excel đã được căn chỉnh tự động, Access và ngược lại . . . vv) tương thích với Excel 2003, 2010, 2013. Tạo cơ sở dữ liệu cho các báo cáo định kỳ (3 tháng, 6 tháng, năm ...vv), ghi lại nhật ký sửa xóa dữ liệu, mã hoá mật khẩu.

Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của công ty, em xin tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA vì phần mềm này phù hợp với doanh nghiệp nhất cả về giá cả lẫn tính năng, mang lại hiệu quả quản lý công ty một cách dễ dàng hơn.

3.2.4.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết

Hiện nay để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái TK 642) do đó chưa theo dõi được chi phí phát sinh theo yếu tố như: lương, vật liệu, dịch vụ mua ngoài....

Theo em công ty nên mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh (Biểu số 3.1). Sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Ví dụ minh họa:

Với nghiệp vụ thanh toán tiền điện thoại tại chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết chi phí mở cho TK 6422 (biểu 3.2).

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản 154, 631, 642,242,632)

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK.....					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						...	...	...	...	...
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK ...							
			Số dư cuối kỳ							

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2017

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ tài khoản 6422					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						6422.1	6422.2	...	6422.7	6422.8
										
12/11	PC 144	12/11	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10/2017	111	233.256				233.256	
										
			Cộng phát sinh							

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày thángnăm

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 6422

3.2.4.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

DNTN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH

Số 24T25 P. Thượng lý – Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng năm

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

3.2.4.4 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là giải pháp mang tính chủ động mà doanh nghiệp có thể áp dụng. Đây là giải pháp giúp doanh nghiệp giảm thiểu những tổn thất có thể xảy ra với hoạt động kinh doanh khi các khoản nợ có nguy cơ không đòi được.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản vay nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu

khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

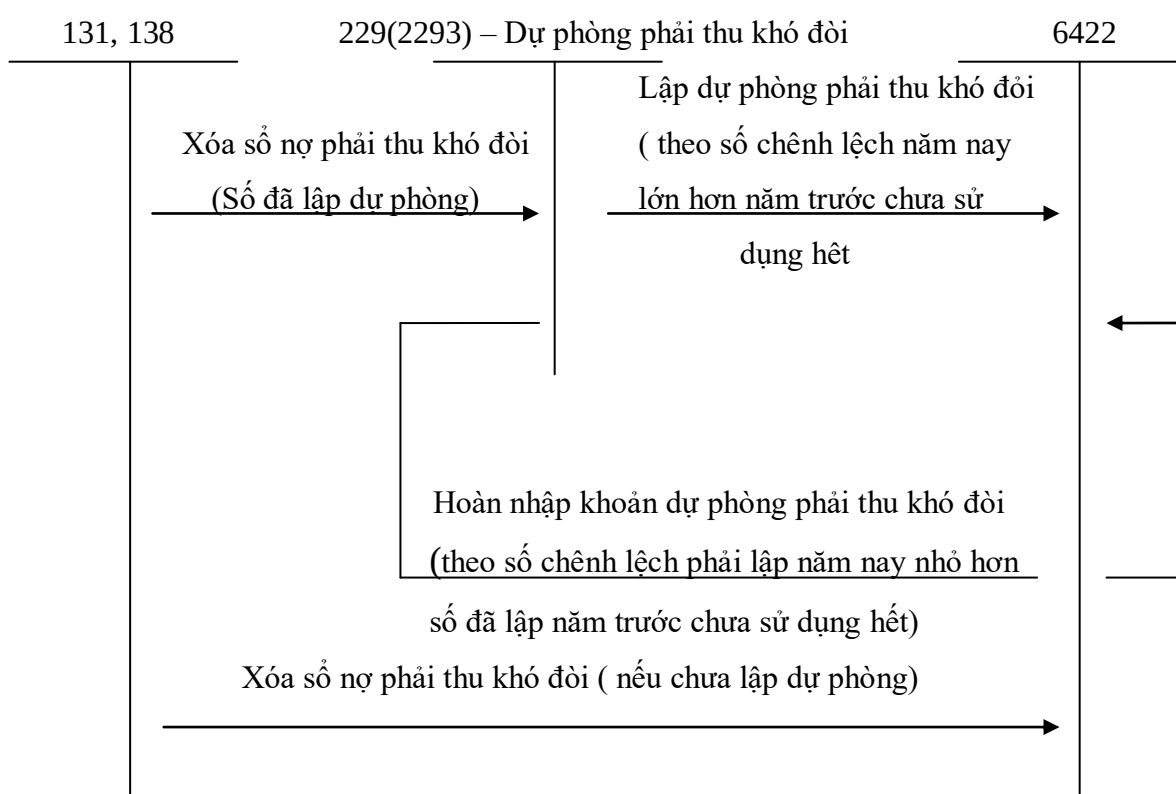
Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng $\leq T \leq 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< T < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< T < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T > 3$ năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí QLKD.

Tài khoản sử dụng:

Theo Thông tư 133 thì để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau (theo hướng dẫn của Thông tư 133):



DNTN CƠ KHÍ TUẤN HOÀNG ANH

Số 24T25 P. Thượng lý – Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Ghi chú
Công ty TNHH TM Phúc Thành	56.325.000	56.325.000			
Công ty TNHH Trang Hà	115.225.300			115.225.300	16 tháng 15 ngày
Công ty TNHH cơ khí Vinh Toàn	86.256.200			86.256.200	14 tháng 5 ngày
Công ty TNHH Quang Minh	94.525.000			94.525.000	7 tháng 12 ngày
Công ty CP Yên Vũ	52.000.000		52.000.000		
.....					
Tổng cộng	978.586.500	441.545.000	241.035.000	296.006.500	

Biểu 3.3 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH Trang Hà	115.225.300	16 tháng 15 ngày	50%	57.612.650
Công ty TNHH cơ khí Vinh Toàn	86.256.200	14 tháng 5 ngày	50%	43.128.100
Công ty TNHH Quang Minh	94.525.000	7 tháng 12 ngày	30%	28.357.500
Tổng cộng	296.006.500			129.098.250

Biểu 3.4 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422 : 129.098.250

Có TK 2293 : 129.098.250

Kế toán lập Phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái.

3.2.4.5. Một số giải pháp khác

Bộ phận kế toán thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay. Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì công ty cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng. Ngoài ra công ty nên tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, chọn lọc và áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán hiện nay của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Khóa luận: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.*” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh với số liệu chứng minh năm 2017. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán trong doanh nghiệp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của cô giáo ThS. Nguyễn Thị Mai Linh để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 01 tháng 11 năm 2018

Sinh viên

Trần Hoàng Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
4. Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Tuấn Hoàng Anh (2017), *Sổ sách kế toán Công ty*.